

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thuý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Kim O, sinh năm 1997; nơi thường trú: Xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Tòa nhà K, 3 O, phường K, thành phố Y, tỉnh Kanagawa, Nhật Bản; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Bùi Tuấn C, sinh năm 1996; nơi thường trú: Xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện tại: 2, phường T, thành phố K, tỉnh Kanagawe, Nhật Bản; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là chị Trịnh Thị Kim O đã hợp pháp hoá lãnh sự tại của Đ tại Nhật Bản trình bày:

Chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 27/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sang Nhật Bản sinh sống, làm việc. Đến tháng 10/2022 chị O và anh C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề. Quá

trình xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã cố gắng nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và cho nhau thêm cơ hội nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vào đầu năm 2023, vợ chồng đã ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị O nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Tuấn C để mỗi người ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Hai bên không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai của anh Bùi Tuấn C đã hợp pháp hoá lãnh sự tại của Đ tại Nhật Bản trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Tuấn C thống nhất với lời trình bày của chị Trịnh Thị Kim O về thời điểm kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 27/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên và tình trạng mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân hiện nay giữa hai bên. Đến nay, anh C và chị O xác định đã không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau. Nay chị O làm đơn xin ly hôn với anh C, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị O được ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Tuấn C và chị Trịnh Thị Kim O không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Bùi Tuấn C và chị Trịnh Thị Kim O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Hai bên không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim O có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng, bị đơn là anh Bùi Tuấn C đăng ký hộ khẩu tại Hưng Yên hiện nay đều đang cư trú tại N. Chị O và anh T đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam của chị O là Tòa án giải quyết ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39,

điểm c khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai các bên thống nhất thể hiện chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27 tháng 7 năm 2022. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, quan điểm, lối sống. Nay chị O yêu cầu xin ly hôn với anh C, anh C đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn với nhau. Nhận thấy, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Kim O đối với anh Bùi Tuấn C.

[4] Về con chung: chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C cùng xác nhận anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Kim O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Kim O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Kim O được ly hôn anh Bùi Tuấn C.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Kim O phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000407 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thị Kim O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trịnh Thị Kim O và anh Bùi Tuấn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Đình Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân Thuý

